

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/NQ-HĐND

Bình Dương, ngày 14 tháng 9 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh
khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Xét Tờ trình số 38/TTr-HĐND ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (*Quy chế kèm theo*).

Điều 2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương khóa X, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Phạm Văn Chánh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 14 tháng 9 năm 2021

**QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
KHÓA X, NHIỆM KỲ 2021 - 2026**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND
ngày 14 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1.

Quy chế này quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND), Tổ đại biểu HĐND, các Ban của HĐND, Thường trực HĐND và HĐND tỉnh Bình Dương khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026; mối quan hệ công tác giữa HĐND với các cơ quan, tổ chức có liên quan và những bảo đảm cho hoạt động của HĐND tỉnh.

Quy chế được áp dụng đối với đại biểu HĐND, Tổ đại biểu HĐND, các Ban của HĐND, Thường trực HĐND, HĐND tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (UBMTTQVN) tỉnh, Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan.

Điều 2.

Những nội dung không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015; Luật Tiếp công dân và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Chương II
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 3.

1. Đại biểu HĐND tỉnh (gọi tắt là đại biểu) là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân trong tỉnh, gương mẫu chấp hành chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật và tham gia vào việc quản lý nhà nước.

2. Đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định từ Điều 91 đến Điều 100 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; khoản 27 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; từ Điều 83 đến Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND năm 2015.

3. Đại biểu có nhiệm vụ tham dự kỳ họp HĐND cấp huyện nơi đại biểu ứng cử; trường hợp không thể tham dự được phải thông báo trước với Thường trực HĐND nơi ứng cử.

Điều 4.

1. Khi nhận được thông báo về thời gian, dự kiến chương trình và tài liệu kỳ họp, đại biểu phải nghiên cứu tài liệu, thực hiện tiếp xúc cử tri, tham gia các hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh để chuẩn bị cho kỳ họp.

2. Trong kỳ họp, đại biểu có những nhiệm vụ sau đây:

- a) Tham gia thảo luận và quyết định chương trình kỳ họp;
- b) Thảo luận tại phiên họp toàn thể HĐND tỉnh và thảo luận ở Tổ về các vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp;
- c) Biểu quyết thông qua những vấn đề thuộc nội dung, chương trình kỳ họp.

Điều 5.

1. Đại biểu là thành viên Ban của HĐND tỉnh (gọi tắt là Ban) có nhiệm vụ tham gia các cuộc họp, thảo luận, biểu quyết các vấn đề và tham gia các hoạt động khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban mà đại biểu là thành viên.

2. Đại biểu có trách nhiệm tham gia Đoàn khảo sát, giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh khi được mời. Trường hợp đại biểu không tham gia được thì phải báo cáo trước với Trưởng đoàn giám sát.

3. Đại biểu thường xuyên kiểm tra hộp thư điện tử công vụ, nhóm Zalo của HĐND tỉnh, Ứng dụng (App) điều hành của HĐND và truy cập Trang thông tin điện tử tổng hợp của Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Bình Dương để cập nhật kịp thời các thông tin liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của đại biểu.

Điều 6. Đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu, nắm vững chủ trương, chính sách pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu; vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của HĐND tỉnh; tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ dành cho đại biểu để nâng cao kiến thức, kỹ năng hoạt động đại biểu.

Điều 7. Việc thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ, mất quyền đại biểu và bãi nhiệm đại biểu HĐND thực hiện theo Điều 101 và 102 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chương III TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

Điều 8.

1. Tổ đại biểu do Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập bao gồm các đại biểu được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành. Số lượng, danh sách thành viên, Tổ trưởng, Tổ phó do Thường trực HĐND tỉnh quyết định. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, Tổ phó giúp Tổ trưởng thực hiện các công việc được phân công. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh (gọi tắt là Văn phòng) phân công Thư ký giúp việc cho Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

2. Khi đại biểu chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong tỉnh, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt đến Tổ đại biểu nơi mình công tác hoặc cư trú. Đại biểu có đơn đề nghị chuyển sinh hoạt và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới UBMTTQVN tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND, UBMTTQVN cấp huyện nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu được thực hiện theo Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 83 và 86 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 10. Tổ đại biểu họp ít nhất hai lần một năm (trước các kỳ họp thường lệ) để thảo luận về chương trình, nội dung kỳ họp HĐND và triển khai các hoạt động của Tổ. Tổ đại biểu có thể họp đột xuất theo yêu cầu của Tổ trưởng Tổ đại biểu. Thành viên Tổ đại biểu có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Tổ đại biểu; trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo trước với Tổ trưởng.

Cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi thành biên bản và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 11. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng Tổ đại biểu

1. Căn cứ Kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu phối hợp với Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN cấp huyện tổ chức cho đại biểu tiếp xúc cử tri.

2. Tổ chức và chủ trì các cuộc họp của Tổ đại biểu.

3. Phân công thành viên, Thư ký Tổ chuẩn bị nội dung họp Tổ đại biểu; phân công thành viên Tổ phát biểu thảo luận tại kỳ họp.

4. Đôn đốc các đại biểu trong Tổ thực hiện chương trình làm việc, Nội quy và những quy định khác về kỳ họp; tổ chức thực hiện các hoạt động của Tổ đại biểu trong kỳ họp.

5. Tổ chức thực hiện hoạt động giám sát của Tổ đại biểu; báo cáo về hoạt động giám sát của Tổ và hoạt động giám sát của đại biểu trong Tổ với Thường trực HĐND tỉnh.

6. Phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh sắp xếp, phân công đại biểu là thành viên của Tổ thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân tại địa bàn nơi đại biểu ứng cử.

7. Thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh; báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của Tổ.

8. Trường hợp khuyết Tổ trưởng thì Tổ phó sẽ thực hiện nhiệm vụ Tổ trưởng Tổ đại biểu.

Chương IV **CÁC BAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban thực hiện theo quy định tại Điều 108, 109, 110 và 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 76 đến Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các quy định cụ thể về việc thẩm tra của Ban tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

Điều 13.

1. Ban hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, các thành viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ban về nhiệm vụ, quyền hạn được Ban phân công.

2. Hiệu quả hoạt động của Ban được bảo đảm bằng hiệu quả của các cuộc họp, hoạt động của các thành viên chuyên trách, hoạt động giám sát, khảo sát và hoạt động của các thành viên Ban.

3. Các Ban chịu sự chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động của Thường trực HĐND, Chủ tịch HĐND tỉnh trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

4. Các cuộc họp, khảo sát, giám sát của Ban phải được ghi biên bản, ban hành thông báo và gửi đến Thường trực HĐND tỉnh và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 14.

1. Căn cứ nghị quyết, chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh, Ban xây dựng chương trình công tác của mình.

2. Ban họp ít nhất mỗi quý một lần để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, triển khai chương trình công tác của Ban và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Ban.

Điều 15.

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban:

a) Chỉ đạo, điều hành công việc của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành;

b) Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban, chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban;

c) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND, các Ban khác của HĐND tỉnh, các cơ quan, tổ chức trong tỉnh và Trung ương đóng trên địa bàn;

d) Báo cáo kết quả hoạt động của Ban với Thường trực HĐND và HĐND tỉnh;

đ) Tham dự các cuộc họp do Thường trực HĐND tỉnh triệu tập; thay mặt Ban tham dự các cuộc họp bàn về lĩnh vực Ban phụ trách do UBND tỉnh và các cơ quan, tổ chức mời;

e) Tổ chức hoạt động khảo sát, giám sát của Ban;

g) Giải quyết các công việc khác của Ban và báo cáo với Ban tại cuộc họp toàn thể gần nhất;

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban chuyên trách:

a) Giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ và được phân công phụ trách một số công việc thuộc lĩnh vực Ban phụ trách;

b) Dự kiến chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban trình Ban xem xét, quyết định;

c) Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động, quyết định và kết luận của Ban;

d) Chuẩn bị nội dung, tài liệu phục vụ hoạt động của Ban; cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết cho thành viên của Ban; xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác để trình Ban họp xem xét thông qua trước khi trình HĐND tỉnh tại kỳ họp;

e) Chuẩn bị ý kiến của Ban về những nội dung trong chương trình phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh khi được mời tham dự; tham gia các hoạt động của các Ban khác và của các cơ quan, tổ chức liên quan;

g) Tổ chức thực hiện sự chỉ đạo, điều hòa, phối hợp của Thường trực HĐND tỉnh đối với hoạt động của Ban; định kỳ báo cáo với Ban về hoạt động của mình;

h) Giải quyết các công việc khác của Ban và báo cáo với Ban tại cuộc họp toàn thể gần nhất.

Điều 16. Phó Trưởng ban được quyền ký các văn bản của Ban theo lĩnh vực phụ trách và tổ chức các hoạt động của Ban khi Trưởng ban phân công. Khi Trưởng ban vắng mặt, Phó Trưởng ban được Trưởng ban ủy quyền điều hành công việc của Ban.

Điều 17.

1. Ban tổ chức cuộc họp toàn thể để thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác trình Thường trực HĐND và HĐND tỉnh; xem xét, quyết định những vấn đề khác thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban.

2. Thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự cuộc họp của Ban; thảo luận và biểu quyết các vấn đề xem xét tại cuộc họp; trường hợp không tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

Điều 18.

1. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Ban hoàn thành việc thẩm tra báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án và các nội dung khác, gửi đến Thường trực HĐND tỉnh.

2. Để chuẩn bị cho việc thẩm tra, Ban có thể cử thành viên tham gia nghiên cứu báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án; yêu cầu cơ quan soạn thảo, cơ quan liên quan cung cấp tài liệu và trình bày về vấn đề mà Ban thẩm tra; tổ chức họp lấy ý kiến của những người am hiểu về vấn đề đó; khảo sát tình hình thực tế tại địa phương về những nội dung liên quan đến dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác.

3. Việc thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác được thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 78 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Nội dung của báo cáo thẩm tra phải nêu được ý kiến đánh giá của Ban về dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án; những vấn đề được Ban nhất trí, không nhất trí và còn có ý kiến khác nhau, những kiến nghị sửa đổi, bổ sung.

Điều 19.

1. Căn cứ ý kiến tại phiên họp thẩm tra, Trưởng ban trực tiếp hoặc phân công Phó Trưởng ban hoàn thiện báo cáo thẩm tra trình HĐND tỉnh tại kỳ họp.

2. Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban (do Trưởng ban ủy nhiệm) trình bày báo cáo thẩm tra của Ban tại kỳ họp.

Điều 20.

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm, Ban gửi báo cáo công tác của Ban đến đại biểu. Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, Ban gửi báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ của Ban đến đại biểu.

2. Khi xét thấy cần thiết, HĐND tỉnh xem xét, thảo luận báo cáo công tác của Ban.

Điều 21.

1. Ban có trách nhiệm gửi báo cáo cho Thường trực HĐND tỉnh về chương trình và kết quả hoạt động hàng quý của mình.

2. Ban có trách nhiệm cử Trưởng ban, Phó Trưởng ban hoặc thành viên tham gia hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

Điều 22. Các Ban giữ mối liên hệ thường xuyên, phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động về những vấn đề có liên quan với Thường trực HĐND và các Ban tương ứng của HĐND các huyện, thị xã, thành phố; thực hiện việc giám sát và hướng dẫn hoạt động đối với HĐND cấp huyện, cấp xã theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 23. Khi tiến hành hoạt động tại các địa phương, Ban thông báo cho Tổ đại biểu HĐND tỉnh, Thường trực HĐND, UBND ở địa phương biết để phối hợp hoạt động.

Chương V**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH****Điều 24.**

1. Thường trực HĐND tỉnh hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm việc theo chế độ tập thể và quyết định theo đa số; tổ chức các hoạt động của HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước HĐND tỉnh.

2. Các thành viên Thường trực HĐND tỉnh chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trước HĐND tỉnh; chịu trách nhiệm cá nhân trước Thường trực HĐND tỉnh về nhiệm vụ, quyền hạn được phân công.

3. Hiệu quả hoạt động của Thường trực HĐND tỉnh được bảo đảm bằng hiệu quả của các phiên họp của Thường trực HĐND, hoạt động của Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, các Ủy viên của Thường trực HĐND tỉnh cùng với sự tham gia của các Ban, các Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND và các thành viên Thường trực HĐND tỉnh được thực hiện theo quy định từ Điều 104 đến Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 66 đến Điều 75 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Điều 26. Thường trực HĐND tỉnh họp mỗi tháng một lần; họp đột xuất theo đề nghị của Chủ tịch HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết. Việc tổ chức phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị, triệu tập kỳ họp

1. Chủ trì, phối hợp với UBND tỉnh chuẩn bị dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh trên cơ sở nghị quyết của HĐND, đề nghị của UBND tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu.

2. Quyết định triệu tập kỳ họp, thông báo dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp theo quy định tại Điều 80 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri để báo cáo tại kỳ họp.

4. Tổng hợp ý kiến chất vấn của đại biểu và thực hiện việc trả lời chất vấn theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Chỉ đạo, đôn đốc việc chuẩn bị các dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh.

Điều 28. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh khi Chủ tọa kỳ họp

1. Chủ tịch HĐND tỉnh chủ tọa kỳ họp HĐND tỉnh. Phó Chủ tịch HĐND tỉnh giúp Chủ tịch HĐND tỉnh điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh.

2. Chủ tọa điều khiển các phiên họp theo chương trình đã được HĐND tỉnh thông qua; đề nghị HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình khi cần thiết.

3. Dự kiến các vấn đề đưa ra thảo luận tại kỳ họp của HĐND tỉnh hoặc cuộc họp Tổ đại biểu.

4. Bảo đảm thảo luận dân chủ, tạo điều kiện để các đại biểu đóng góp ý kiến; dành thời gian thỏa đáng cho việc chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp.

5. Chỉ đạo việc tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp HĐND tỉnh và tại cuộc họp Tổ đại biểu.

6. Chỉ đạo việc tiếp thu ý kiến của đại biểu và chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

7. Điều hành để HĐND tỉnh biểu quyết thông qua nghị quyết.

Điều 29. Sau mỗi kỳ họp, xét thấy cần thiết thì Thường trực HĐND tỉnh tổ chức họp để xem xét, đánh giá, rút kinh nghiệm về kỳ họp. Thành phần họp do Thường trực HĐND tỉnh quyết định.

Điều 30. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh trong việc đôn đốc, kiểm tra và giám sát UBND tỉnh, các cơ quan khác của nhà nước ở địa phương thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh

1. Yêu cầu UBND tỉnh và các cơ quan khác của Nhà nước trên địa bàn tỉnh báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, thi hành các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

3. Khi phát hiện có sai phạm trong việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của nhân dân trong tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh có quyền yêu cầu UBND tỉnh hoặc cơ quan nhà nước liên quan trong tỉnh áp dụng các biện pháp để chấm dứt hành vi vi phạm, xem xét, xử lý và báo cáo kết quả với Thường trực HĐND tỉnh. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh có thể trình ra kỳ họp gần nhất hoặc triệu tập kỳ họp chuyên đề để HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Phối hợp với UBND tỉnh giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp; xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp nhằm bảo đảm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hoà, phối hợp hoạt động các Ban của HĐND tỉnh

1. Phân công Ban thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác trình HĐND tỉnh.

2. Phân công Ban tham gia hoạt động đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh và một số công việc khác.

3. Phân công Ban thực hiện một số nội dung thuộc chương trình giám sát của HĐND tỉnh và của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Chỉ đạo, điều hoà, phối hợp chương trình hoạt động của các Ban và đôn đốc các Ban hoạt động.

5. Tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp của các Ban của HĐND tỉnh.

6. Tổ chức các cuộc họp hàng tháng của Thường trực HĐND với các Trưởng ban, Phó Trưởng ban và lãnh đạo Văn phòng.

7. Tổ chức tập huấn, trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND và các Ban của HĐND tỉnh; bàn các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh.

Điều 32. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ và chương trình giám sát của HĐND tỉnh

1. Trước kỳ họp thường lệ cuối năm, Thường trực HĐND tỉnh thông báo đến UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu và các cơ quan liên quan để chuẩn bị ý kiến đóng góp về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của năm sau; đảm bảo trình tự, thủ tục và thời gian theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đối với những nội dung liên quan.

Trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân nêu trên, Thường trực HĐND tỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của năm sau trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp cuối năm.

2. Việc xây dựng, thực hiện chương trình giám sát của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 58 Luật Hoạt động giám sát Quốc hội và HĐND.

Điều 33. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh trong việc giữ mối liên hệ với Tổ đại biểu và đại biểu

1. Đôn đốc Tổ trưởng Tổ đại biểu tổ chức đề đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri.

2. Phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh theo dõi, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri do Tổ đại biểu gửi đến để chuyển cho cơ quan nhà nước, tổ chức liên quan xem xét, giải quyết và theo dõi, đôn đốc việc giải quyết; báo cáo trước HĐND tỉnh những ý kiến, kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết của các cơ quan, tổ chức liên quan.

3. Tổ chức đề đại biểu nghiên cứu, quán triệt các quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, các văn bản quy phạm pháp luật khác, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

4. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chính sách, chế độ đối với đại biểu.

Điều 34. Lấy ý kiến đại biểu HĐND tỉnh

1. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và theo quy định của pháp luật, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức lấy ý kiến các đại biểu HĐND tỉnh bằng hình thức Phiếu lấy ý kiến, cụ thể:

a) Đối với các nội dung trình tại kỳ họp HĐND tỉnh mà HĐND tỉnh quyết định bằng hình thức không ban hành nghị quyết.

b) Đối với các nội dung bức thiết thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thể hiện ý kiến vào Phiếu lấy ý kiến và gửi lại Phiếu cho Thư ký kỳ họp theo đúng thời hạn quy định.

3. Thư ký kỳ họp tổng hợp kết quả Phiếu lấy ý kiến và báo cáo Chủ tọa để báo cáo đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp; đối với nội dung thực hiện trong thời gian giữa hai kỳ họp thì báo cáo Thường trực HĐND tỉnh để báo cáo đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 35.

1. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Ban của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Đoàn công tác của Chính phủ khi đến địa phương công tác.

2. Thường trực HĐND tỉnh gửi báo cáo 6 tháng và cả năm về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

3. Thường trực HĐND tỉnh giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh. Định kỳ 6 tháng một lần, Thường trực HĐND tỉnh phối hợp cùng với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nghe UBND, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của tỉnh báo cáo về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân do đại biểu Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND, đại biểu HĐND tỉnh chuyển đến.

4. Thường trực HĐND tỉnh và Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức hội nghị trao đổi kinh nghiệm hoạt động của HĐND mỗi năm hai lần.

Điều 36

Trong quá trình hoạt động, HĐND khuyết Chủ tịch HĐND tỉnh thì Phó Chủ tịch HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch HĐND tỉnh đến khi bầu được Chủ tịch HĐND tỉnh mới.

Chương VI KỶ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 37.

1. Kỳ họp là hình thức hoạt động chủ yếu của HĐND tỉnh. Tại kỳ họp, HĐND tỉnh thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung, hình thức kỳ họp HĐND tỉnh được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 38. Biên bản kỳ họp

1. Kỳ họp và các phiên họp toàn thể HĐND tỉnh, các phiên họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các cuộc họp Tổ thảo luận trước kỳ họp, cuộc họp Tổ đại biểu phải được ghi biên bản.

2. Biên bản kỳ họp ghi tổng hợp nội dung và quá trình diễn biến của kỳ họp, ghi đầy đủ những ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết của HĐND tỉnh tại các phiên họp và những ý kiến bằng văn bản của đại biểu được chuyển đến Đoàn thư ký kỳ họp.

3. Biên bản các phiên họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh phải được ghi đầy đủ những ý kiến phát biểu, kết luận, kết quả biểu quyết tại phiên họp và những ý kiến bằng văn bản của đại biểu được chuyển đến Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh.

4. Biên bản các cuộc họp Tổ đại biểu phải ghi đầy đủ những ý kiến phát biểu của đại biểu, kết luận của người chủ trì (Tổ trưởng hoặc Tổ phó) và được chuyển đến Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 39. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ

Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 45 ngày trước khi HĐND tỉnh khóa mới được bầu xong. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ hoạt động của mình.

Điều 40. Thời gian chuẩn bị kỳ họp

1. Chậm nhất là 55 ngày làm việc trước khi triệu tập kỳ họp thường lệ, căn cứ vào nghị quyết của HĐND tỉnh, đề nghị của Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBMTTQVN tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh và đại biểu, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức Hội nghị liên tịch đề dự kiến chương trình làm việc của kỳ họp; xem xét việc chuẩn bị các nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp và quyết định những vấn đề khác liên quan đến kỳ họp.

2. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, UBND tỉnh và các cơ quan hữu quan có trách nhiệm gửi các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp đến Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh. Đối với các nội dung mang tính quy phạm phải đảm bảo thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quy trình, thủ tục và thời gian gửi tài liệu.

3. Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực HĐND tỉnh chuyển bản tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri đến UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước hữu quan để nghiên cứu trả lời, giải trình những vấn đề bức xúc trước HĐND tỉnh tại kỳ họp.

4. Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực HĐND tỉnh gửi đến đại biểu dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình HĐND tỉnh, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và các tài liệu liên quan.

5. Đối với kỳ họp chuyên đề, tùy theo tình hình chuẩn bị nội dung, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thời gian cụ thể chuẩn bị kỳ họp.

Điều 41. Chương trình kỳ họp thực hiện theo quy định tại Điều 79 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 42. Tài liệu lưu hành tại kỳ họp thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 43. Khách mời tham dự kỳ họp thực hiện theo Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; các thành phần tham dự khác do Thường trực HĐND tỉnh quyết định. Danh sách khách mời, chế độ sử dụng tài liệu của khách mời do Thường trực HĐND tỉnh quyết định theo đề nghị của Văn phòng.

Điều 44. Tổ chức thảo luận về các nội dung trình kỳ họp

1. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc thảo luận tại các Tổ đại biểu về các nội dung trình kỳ họp (trước khi khai mạc kỳ họp); tổng hợp ý kiến thảo luận để báo cáo HĐND tỉnh. Việc thảo luận tại Tổ đại biểu do Tổ trưởng Tổ đại biểu chủ trì tổ chức. Trong trường hợp cần thiết, HĐND tỉnh quyết định thảo luận tại các Ban hoặc tiếp tục thảo luận Tổ tại kỳ họp.

2. Tại kỳ họp, Chủ tịch HĐND tỉnh có thể mời lãnh đạo cơ quan, tổ chức có liên quan để trao đổi những vấn đề cần thiết trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 45. Việc thực hiện chất vấn và trả lời chất vấn thực hiện theo quy định tại Điều 90 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 60, 84 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Kết thúc phiên chất vấn, Chủ tọa kỳ họp có nhận xét, đánh giá mặt được, chưa được của từng vấn đề và nêu hướng chỉ đạo để tổ chức thực hiện trong thời gian tới.

Điều 46.

1. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp thực hiện theo quy định tại Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Căn cứ vào kết quả thảo luận, Chủ tọa kỳ họp chỉ đạo Thư ký kỳ họp và các cơ quan hữu quan tiếp thu ý kiến của đại biểu HĐND, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án.

Điều 47. Biểu quyết

1. Chủ tọa phiên họp nêu rõ nội dung cần biểu quyết trước khi biểu quyết; xin ý kiến đại biểu về hình thức biểu quyết. Hình thức biểu quyết được thực hiện như sau:

a) Bỏ phiếu kín: Đối với trường hợp bầu cử và lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do HĐND tỉnh bầu.

b) Biểu quyết công khai: Đối với các trường hợp còn lại (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) bằng một trong hai hình thức:

- Biểu quyết điện tử.

- Biểu quyết bằng thẻ đại biểu.

Điều 48. Ban hành nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp thực hiện theo quy định tại Điều 86 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Chương VII HOẠT ĐỘNG TIẾP XÚC CỬ TRI

Điều 49.

1. Chậm nhất là 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố và Tổ đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức để đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng của cử tri về những vấn đề thuộc chương trình, nội dung kỳ họp và ý kiến, kiến nghị của cử tri với HĐND, UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước liên quan ở địa phương.

2. Chậm nhất là 15 ngày sau ngày bế mạc kỳ họp, Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố và Tổ đại biểu có trách nhiệm tổ chức để đại biểu tiếp xúc cử tri báo cáo kết quả kỳ họp, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri, phổ biến và giải thích các nghị quyết của HĐND tỉnh và tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghị quyết đó.

3. Ít nhất mỗi năm một lần, kết hợp với việc tiếp xúc cử tri, đại biểu báo cáo với cử tri ở đơn vị bầu ra mình về hoạt động của HĐND tỉnh và hoạt động của mình trong năm, nhiệm vụ năm tới và thực hiện chương trình hành động của mình đã hứa trước cử tri; trả lời những yêu cầu và kiến nghị của cử tri.

Cử tri có thể thông qua UBMTTQVN hoặc trực tiếp bày tỏ ý kiến nhận xét của mình tại hội nghị tiếp xúc cử tri về hoạt động của HĐND tỉnh và của đại biểu. Tổ đại biểu và Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo Thường trực về nhận xét của cử tri.

4. Đại biểu có thể trực tiếp gặp gỡ cử tri để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của cử tri và những vấn đề mà đại biểu quan tâm; chuyển những kiến nghị của cử tri đến Tổ đại biểu và Thường trực HĐND tỉnh để tổng hợp báo cáo HĐND tỉnh, gửi tới cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Điều 50.

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, đại biểu Quốc hội với đại biểu HĐND tỉnh hoặc đại biểu HĐND tỉnh với đại biểu HĐND các huyện, thị xã, thành phố có thể phối hợp cùng tiếp xúc cử tri.

2. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố dự kiến chương trình, thời gian, địa điểm tiếp xúc cử tri.

Điều 51.

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐND tỉnh và tình hình thực tế, Thường trực HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh xây dựng kế hoạch tiếp xúc cử tri.

2. Thường trực HĐND tỉnh gửi kế hoạch tiếp xúc cử tri đến UBND tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh; đồng thời, thông báo cho HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi tiếp xúc cử tri để thực hiện.

Điều 52. Thành phần hội nghị tiếp xúc cử tri

1. Đại biểu HĐND tỉnh ứng cử trên địa bàn.

2. Đại diện UBMTTQVN cấp huyện; đại diện Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của UBMTTQVN cấp xã nơi tiếp xúc cử tri. Tùy theo đặc điểm tình hình ở mỗi địa phương, Thường trực HĐND tỉnh hoặc Tổ đại biểu HĐND có thể yêu cầu đại diện lãnh đạo UBND cấp huyện, sở, ngành tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện cùng tham gia.

3. Cử tri trực tiếp làm việc, học tập tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, cơ sở sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế; cử tri ở khu phố, ấp.

Điều 53. Nội dung và trình tự Hội nghị tiếp xúc cử tri trước và sau kỳ họp

1. Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN cấp xã chủ trì hội nghị, tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần đại biểu, chương trình, nội dung hội nghị và cử thư ký ghi biên bản hội nghị.

2. Đại biểu báo cáo với cử tri những vấn đề sau đây:

a) Dự kiến chương trình, nội dung kỳ họp đối với hội nghị tiếp xúc cử tri trước kỳ họp; kết quả kỳ họp và kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp;

b) Việc triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội;

c) Hoạt động của HĐND tỉnh, hoạt động của đại biểu trong năm, nhiệm vụ năm tới và thực hiện chương trình hành động của đại biểu đã hứa trước cử tri đối với hội nghị tiếp xúc cử tri sau kỳ họp cuối năm.

3. Cử tri phát biểu ý kiến.

4. Đại diện UBND, cơ quan, tổ chức liên quan phát biểu, trả lời những vấn đề cử tri nêu thuộc thẩm quyền giải quyết của mình.

5. Đại biểu phát biểu, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri.

6. Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN cấp xã phát biểu kết thúc hội nghị.

Điều 54.

Trong trường hợp do dịch bệnh, thiên tai hoặc điều kiện bất lợi khác mà địa phương không thể tổ chức tiếp xúc cử tri được thì Tổ đại biểu HĐND tỉnh phối hợp cùng Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN cấp huyện tổ chức thông báo nội dung tiếp xúc cử tri đến cử tri và lấy ý kiến cử tri qua phiếu hoặc hình thức khác phù hợp.

Điều 55.

1. Sau mỗi đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố chuẩn bị báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri và gửi đến Thường trực HĐND và UBMTTQVN tỉnh trong thời hạn 5 ngày, kể từ ngày kết thúc đợt tiếp xúc cử tri.

2. Sau đợt tiếp xúc cử tri, Tổ đại biểu phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố phân loại ý kiến, kiến nghị của cử tri như sau:

a) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung ương và cơ quan, tổ chức cấp tỉnh được tổng hợp và gửi đến Thường trực HĐND và UBMTTQVN tỉnh;

b) Ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức huyện, thị xã, thành phố được tổng hợp và gửi đến cơ quan, tổ chức đó để giải quyết, đồng thời gửi đến Thường trực HĐND và UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố.

Chương VIII **HOẠT ĐỘNG TIẾP CÔNG DÂN**

Điều 56.

1. Đại biểu có trách nhiệm tiếp công dân, tiếp nhận và xử lý khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo Điều 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Tiếp công dân, Nghị quyết số 759/2014/UBTVQH13 ngày 15 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết về hoạt động tiếp công dân của các cơ quan của quốc hội, đại biểu quốc hội, HĐND và đại biểu HĐND các cấp và Quy chế tiếp công dân của Thường trực HĐND, đại biểu HĐND tỉnh Bình Dương (ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Thường trực HĐND tỉnh).

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi đại biểu công tác có trách nhiệm tạo điều kiện để đại biểu có thời gian tiếp công dân, tiếp nhận, chuyển đơn, đơn đốc, theo dõi việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 57.

1. Đại diện Thường trực HĐND tỉnh thay mặt tiếp công dân tại Trụ sở tiếp công dân tỉnh.

2. Đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân tại địa phương nơi mình ứng cử. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Tổ trưởng các Tổ đại biểu sắp xếp lịch tiếp công dân cho đại biểu. Trường hợp đại biểu không thể thực hiện được việc tiếp công dân theo lịch tiếp công dân đã được công bố thì đại biểu có trách nhiệm thông báo đến Thường trực HĐND tỉnh, Tổ trưởng Tổ đại biểu để sắp xếp lịch tiếp công dân tiếp theo của đại biểu.

3. Chính quyền địa phương nơi đại biểu ứng cử có trách nhiệm tổ chức và bảo đảm điều kiện, cơ sở vật chất cho việc tiếp công dân của đại biểu.

4. Lịch tiếp công dân của đại biểu được niêm yết tại nơi tiếp công dân; đồng thời công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

Điều 58.

1. Đại biểu tiếp công dân phải tổng hợp ý kiến, kiến nghị, đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân và nội dung, kết quả xử lý của mình để báo cáo Thường trực HĐND tỉnh và Tổ trưởng Tổ đại biểu.

2. Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm giúp HĐND tỉnh xem xét, đôn đốc việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân và phản ánh của các cơ quan thông tin đại chúng.

**Chương IX
HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT**

Điều 59. Hoạt động giám sát bao gồm: giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và các đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 60. Hoạt động giám sát của các chủ thể giám sát thực hiện theo quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

1. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 57 đến Điều 65.

2. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 66 đến Điều 75.

3. Hoạt động giám sát của Ban của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 76 đến Điều 82.

4. Hoạt động giám sát của đại biểu HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện theo quy định từ Điều 83 đến Điều 87.

Điều 61. Bảo đảm hoạt động giám sát

1. HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện chương trình, kế hoạch giám sát đã đề ra.

2. Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia đầy đủ Đoàn giám sát mà đại biểu là thành viên.

3. Các thông tin liên quan đến việc thực hiện giám sát được đăng tải trên Trang thông tin điện tử tổng hợp của Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 89 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghị quyết, kết luận, kiến nghị sau giám sát.

5. Hoạt động giám sát được bảo đảm kinh phí, điều kiện vật chất để tổ chức thực hiện.

Chương X
QUAN HỆ GIỮA THƯỜNG TRỰC HĐND,
CÁC BAN CỦA HĐND TỈNH VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 62. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh phối hợp chặt chẽ với UBND, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh trong việc chuẩn bị dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án và các nội dung khác trình HĐND tỉnh; giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh trong thời gian giữa hai kỳ họp.

Điều 63.

1. Đại diện Thường trực HĐND tỉnh được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của UBND tỉnh bàn việc thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, ngân sách địa phương và các nhiệm vụ khác, các cuộc họp tổng kết công tác của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.

2. Đại diện Ban của HĐND tỉnh được mời dự các cuộc họp của UBND, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh về những vấn đề có liên quan.

3. Đại diện UBND tỉnh được mời dự các cuộc họp hàng tháng và các cuộc họp khác của Thường trực HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được mời dự các cuộc họp của Thường trực HĐND tỉnh về những vấn đề liên quan.

4. Đại diện UBND, thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban HĐND tỉnh khi bàn về những vấn đề có liên quan.

Điều 64.

1. UBND tỉnh có trách nhiệm cung cấp cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh và Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

2. UBND, cơ quan chuyên môn thuộc UBND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục Thi hành án dân sự tỉnh và cơ quan, tổ chức liên quan ở địa phương có trách nhiệm báo cáo và cung cấp thông tin, các tài liệu liên quan về những vấn đề mà Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh yêu cầu nhằm tạo điều kiện để Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh hoàn thành nhiệm vụ.

Chương XI
QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
VỚI ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH
VÀ CÁC TỔ CHỨC THÀNH VIÊN CỦA MẶT TRẬN

Điều 65.

1. Quan hệ giữa HĐND tỉnh với UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh là quan hệ phối hợp, tạo điều kiện để cùng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh ban hành quy chế phối hợp công tác.

2. Mỗi năm 02 lần vào giữa năm và cuối năm, Thường trực HĐND tỉnh thông báo bằng văn bản đến UBMTTQVN tỉnh về tình hình tổ chức và hoạt động của HĐND tỉnh.

3. Đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh được mời dự kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh để thông báo về hoạt động của UBMTTQVN tỉnh tham gia xây dựng chính quyền, về những ý kiến, kiến nghị của UBMTTQVN tỉnh đối với HĐND, UBND tỉnh và đại biểu; báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ nhất và kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh.

4. Đại diện Thường trực HĐND tỉnh được mời dự các cuộc họp của Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh và các cuộc họp của UBMTTQVN tỉnh đối với nội dung có liên quan.

Điều 66.

1. Thường trực HĐND tỉnh chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức hội nghị tiếp xúc cử tri của đại biểu.

2. Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh phân công cho cơ quan cấp dưới chủ trì hội nghị tiếp xúc cử tri và phối hợp với Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri.

Điều 67.

1. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh theo dõi hoạt động của đại biểu và giúp đại biểu thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

2. UBMTTQVN tỉnh trực tiếp hoặc đề nghị các tổ chức thành viên của UBMTTQVN theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị đối với hoạt động của đại biểu.

3. UBMTTQVN tỉnh có quyền kiến nghị với Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu, đề nghị bãi nhiệm đại biểu không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân theo quy định của pháp luật.

Điều 68. Thường trực HĐND và các Ban của HĐND tỉnh mời đại diện Ban Thường trực UBMTTQVN, các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh tham gia các hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết; phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh trong việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và những vấn đề quan trọng của tỉnh.

Chương XII **NHỮNG BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG** **CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH**

Điều 69.

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh là một khoản trong ngân sách tỉnh do HĐND tỉnh quyết định và thực hiện theo các quy định hiện hành về ngân sách.

2. Chủ tịch HĐND tỉnh chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm về việc sử dụng kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Đại biểu được hưởng các chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND theo quy định hiện hành.

Điều 71.

1. Đại biểu được cấp và sử dụng Giấy chứng nhận đại biểu, thẻ đại biểu, huy hiệu đại biểu.

2. Khi làm nhiệm vụ đại biểu, đại biểu xuất trình Giấy chứng nhận đại biểu, thẻ đại biểu khi có yêu cầu.

Điều 72.

1. Đại biểu là cán bộ, công chức nhà nước vi phạm kỷ luật phải xử lý buộc thôi việc, cách chức hoặc tạm đình chỉ công tác thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông báo bằng văn bản đến Thường trực HĐND tỉnh.

2. Đại biểu là cán bộ, công chức nhà nước chuyển công tác đi khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thông báo đến Thường trực HĐND tỉnh. Thường trực HĐND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh và thông báo tới Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh, Thường trực HĐND, Ban Thường trực UBMTTQVN cấp huyện nơi đại biểu chuyển đi và nơi chuyển đến.

Điều 73.

1. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh.

2. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo hoạt động của Văn phòng.

3. HĐND, Thường trực HĐND, các Ban của HĐND tỉnh sử dụng con dấu của HĐND tỉnh trong hoạt động của mình.

4. Tổ đại biểu HĐND tỉnh được sử dụng con dấu của HĐND tỉnh trong hoạt động giám sát của Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 74.

1. UBND các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh.

2. UBMTTQVN và các tổ chức thành viên của UBMTTQVN các cấp tạo điều kiện để đại biểu tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, nguyện vọng và kiến nghị của cử tri với HĐND tỉnh.

Chương XIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 75.

1. HĐND, Thường trực HĐND, UBND tỉnh, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND, UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh, các cơ quan khác của nhà nước trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Quy chế này được HĐND tỉnh khóa X, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 10 tháng 9 năm 2021, có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung không còn phù hợp, Thường trực HĐND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung, đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐND tỉnh./.